

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HS-PT
Ngày: 09 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2023/TLPT-HS ngày 11/4/2023 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo: Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1983 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: nguyên Kế toán Bệnh viện Đa khoa huyện B; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân T1 (đã chết) và bà Trần Thị L; có chồng Lê Ngọc M, sinh năm 1979 và 02 đứa con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giam giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 4.

Vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2017, do muốn xin việc cho con gái là [Phan Thị Hồng T2](#) vào làm việc tại [Bệnh viện Đa khoa huyện B](#) và biết được [Phan Thị Ngọc T](#) đang làm kế toán tại [Bệnh viện Đa khoa huyện B](#) đã từng xin được cho người khác vào làm việc tại Bệnh viện nên bà [Nguyễn Thị q](#) đã tìm đến nhà của [Phan Thị Ngọc T](#) để nhờ [T](#) tìm cách giúp đỡ. [T](#) nhận lời sẽ hỏi giúp và nói sẽ hỏi Giám đốc Bệnh viện, nếu được sẽ thông báo lại cho bà. Một thời gian sau, [T](#) liên lạc với bà [Q](#) và cho biết Giám đốc đã đồng ý giúp và nói bà [Q](#) chuẩn bị số tiền 300.000.000 đồng để xin việc. Tối ngày 14/10/2017 bà [Q](#) giao cho [T](#) số tiền 200.000.000 đồng tiền mặt. [T](#) nhận tiền và cam kết hết nếu không xin được việc cho con gái bà [Q](#) thì sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận. Khi nhận tiền, [T](#) có làm Giấy xác nhận với nội dung “Em [T](#) nhận tiền xin việc, ST 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)” rồi ký và ghi rõ họ tên [Phan T3](#). [Ngọc T](#). Đến ngày 24/10/2017, bà [Q](#) tiếp tục giao số tiền 100.000.000 đồng tiền mặt cho [T](#) và [T](#) tiếp tục viết xác nhận việc nhận tiền lên cùng tờ Giấy xác nhận trước đó với nội dung “Ngày 24/10/2017 nhận 100.000.000 đồng” đồng thời ký tên và ghi rõ họ tên [Phan T. Ngọc T4](#). Sau một thời gian dài nhưng [T4](#) vẫn không xin được việc cho con gái nên bà [Q](#) đã nhiều lần liên hệ để lấy lại số tiền 300.000.000 đồng nhưng [T4](#) không trả được. Vào ngày 23/3/2021, [T4](#) có làm một tờ Giấy hẹn với nội dung “Tôi xin hẹn với anh chị Bằng Quý đúng 18h00” ngày 12/4/2021 sẽ trả hết số tiền cho chị. Nếu không đúng thời gian trên tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm...”. Ngày 29/12/2021, [T4](#) mới chuyển số tiền 38.000.000 đồng vào tài khoản số 53110000160223 của chị [Phan Thị Hồng T2](#) mở tại [Ngân hàng B](#) với nội dung chuyển tiền thể hiện “PHAN THI NGOC THUY e thuy ct cho chị quy”. Sau khi bà [Q](#) tố giác hành vi của [T4](#) đến Cơ quan cảnh sát điều tra [công an huyện B](#) (ngày 19/5/2022), [T4](#) tiếp tục chuyển tiền vào tài khoản 53110000160223 của chị [Phan Thị Hồng T2](#) mở tại [Ngân hàng B](#) để trả cho bà [Q](#) toàn bộ số tiền còn lại.

Lời khai của ông [Nguyễn Quốc L1](#) là Giám đốc [bệnh viện Đa khoa huyện B](#) trong thời gian 2017 – 2018 có tại hồ sơ vụ án và đối chất tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện không có việc [T4](#) liên hệ với ông [L1](#) để xin việc cho người khác và cũng không có việc ông đã nhận tiền do [T4](#) giao với mục đích xin việc của bất kỳ người nào.

Tại Bản kết luận giám định số 670/KL-KTHS ngày 21/6/2022, [Phòng K Công an tỉnh Q](#) đã kết luận: Chữ ký và chữ viết trên Giấy hẹn và Giấy có nội dung nhận tiền với mẫu chữ viết, chữ ký của [Phan Thị Ngọc T](#) là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Công văn số 1926/BVĐK-TCHC ngày 18/7/2022 [Bệnh viện Đa khoa huyện B](#) cung cấp thông tin: [Phan Thị Ngọc T](#) là viên chức thuộc [Bệnh viện Đa khoa huyện B](#). Năm 2017 – 2018 công tác tại Phòng tài chính kế toán với chức danh là nhân viên kế toán. Đối với công tác tuyển dụng viên chức, bà [Phan Thị Ngọc T](#) không có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển dụng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt 300.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 74/CT - VKSBT ngày 15/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố bị cáo [Phan Thị Ngọc T](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định: Tuyên bố [Phan Thị Ngọc T](#) phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: [Phan Thị Ngọc T](#) 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 08/3/2023 bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Phan Thị Ngọc T](#), giữ nguyên mức hình phạt 36 tháng tù đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo [Phan Thị Ngọc T](#) vắng mặt lần thứ 4 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo [Phan Thị Ngọc T](#) làm trong hạn luật định nên chấp nhận đề xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo [T](#) vắng mặt, tuy nhiên căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ cơ sở để xác định Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định: bị cáo [Phan Thị Ngọc T](#) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, có công việc ổn định, mặc dù bị cáo không có thẩm quyền tuyển dụng viên chức nhưng bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại có nhu cầu xin việc làm cho con, bị cáo đã hứa hẹn và nhận tiền của bị hại, sau khi nhận được tiền bị cáo không xin được việc cho con của bị hại mà sử dụng số tiền đã nhận vào mục đích cá nhân.

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường cho bị hại, bố để bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào, Hội đồng xét xử thấy rằng bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liên kề là có phần nhẹ, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Phan Thị Ngọc T](#). Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo [Phan Thị Ngọc T](#) 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo [T](#) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/8/2023).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Công an huyện Bố Trạch;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- UBND xã Đại Trạch;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn